BỘ CÔNG THƯƠNG

BỘ CÔNG THƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 09/2019/TT-BCT	*Hà Nội, ngày 08 tháng 7 năm 2019*

THÔNG TƯ
Quy định về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện

Căn cứ Nghị định số 98/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp;

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư quy định về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện đối với đập có chiều cao từ 5 m trở lên hoặc hồ chứa có dung tích toàn bộ từ 50.000 m^3 trở lên (sau đây gọi chung là đập, hồ chứa thủy điện) và an toàn cho vùng hạ du đập thủy điện.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với:

1. Chủ sở hữu, tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa thủy điện.

2. Tổ chức, cá nhân khác liên quan đến hoạt động quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Hồ chứa thủy điện được xây dựng trên địa bàn từ hai xã, hai huyện, hai tỉnh trở lên* là hồ chứa thủy điện có đường biên cắm mốc xác định hành lang bảo vệ hồ chứa nằm trên địa bàn từ hai xã thuộc một huyện, hai huyện thuộc một tỉnh, hai xã hoặc hai huyện thuộc hai tỉnh trở lên.

2. *Đập thủy điện được xây dựng trên địa bàn hai xã, hai huyện, hai tỉnh trở lên* là đập thủy điện có phạm vi bảo vệ đập nằm trên địa bàn hai xã thuộc một huyện, hai huyện thuộc một tỉnh, hai xã hoặc hai huyện thuộc hai tỉnh trở lên.

Chương II
QUẢN LÝ AN TOÀN ĐẬP, HỒ CHỨA THỦY ĐIỆN

Điều 4. Lập, điều chỉnh phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công xây dựng đập

1. Chủ sở hữu đập, hồ chứa thủy điện có trách nhiệm lập phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công xây dựng đập trình cơ quan tiếp nhận hồ sơ, thẩm định phương án theo quy định tại khoản 4 Điều 7 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP. Mẫu phương án quy định tại Phụ lục I Thông tư này.

2. Trường hợp tiến độ xây dựng đập, hồ chứa thủy điện thay đổi so với phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công được duyệt và không còn phù hợp với diễn biến khí tượng thủy văn tại thời điểm xây dựng, chủ sở hữu đập, hồ chứa thủy điện có trách nhiệm rà soát, điều chỉnh phương án trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại khoản 5 Điều 7 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP.

Điều 5. Thời hạn hoàn thiện việc rà soát, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai trong giai đoạn khai thác

Hàng năm, chủ sở hữu đập, hồ chứa thủy điện có trách nhiệm rà soát, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai trước ngày 15 tháng 4 đối với đập, hồ chứa thủy điện xây dựng tại khu vực Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ, Tây Nguyên và Nam Bộ; trước ngày 15 tháng 8 hàng năm đối với đập, hồ chứa thủy điện xây dựng tại khu vực Nam Trung Bộ.

Điều 6. Lập, rà soát phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp

1. Chủ sở hữu đập, hồ chứa thủy điện có trách nhiệm lập phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp trình cơ quan tiếp nhận hồ sơ, thẩm định phương án theo quy định tại khoản 4 Điều 26 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP. Mẫu phương án quy định tại Phụ lục II Thông tư này.

2. Hàng năm, chủ sở hữu đập, hồ chứa thủy điện có trách nhiệm rà soát, hiệu chỉnh phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp trình cơ quan tiếp nhận hồ sơ trước ngày 01 tháng 4 hàng năm đối với đập, hồ chứa thủy điện xây dựng tại khu vực Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ, Tây Nguyên và Nam Bộ; trước ngày 01 tháng 8 hàng năm đối với đập, hồ chứa thủy điện xây dựng tại khu vực Nam Trung Bộ.

Điều 7. Bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện

1. Chủ sở hữu đập, hồ chứa thủy điện có trách nhiệm lập phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 5 Điều 23 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP hoặc tự phê duyệt theo quy định tại khoản 6 Điều 23 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP. Mẫu phương án quy định tại Phụ lục III Thông tư này.

2. Trong giai đoạn khai thác, nếu có sự thay đổi về bố trí công trình và vị trí bố trí lực lượng bảo vệ thuộc phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa, chủ sở hữu đập, hồ chứa thủy điện có trách nhiệm điều chỉnh phương án trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 5 Điều 23 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP hoặc tự phê duyệt theo quy định tại khoản 6 Điều 23 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP.

3. Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp tiếp nhận, thẩm định hồ sơ phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ Công Thương.

Điều 8. Lắp đặt hệ thống giám sát vận hành

1. Hệ thống giám sát vận hành, gồm:

a) Hệ thống giám sát thuộc phạm vi trách nhiệm của chủ sở hữu đập, hồ chứa thủy điện theo quy định tại Thông tư số 47/2017/TT-BTNMT ngày 07 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước;

b) Cột thủy chí hoặc trang thiết bị có tính năng tương tự để xác định được mực nước hạ lưu đập; trường hợp hạ lưu đập có trạm quan trắc khí tượng thủy văn thì có thể khai thác thông tin mực nước hạ du từ trạm quan trắc này thay cho cột thủy chí hoặc trang thiết bị có tính năng tương tự cột thủy chí.

2. Chủ sở hữu đập, hồ chứa thủy điện có trách nhiệm phối hợp với Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân và Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp huyện quyết định vị trí lắp đặt cột thủy chí hoặc trang thiết bị có tính năng tương tự cột thủy chí.

Điều 9. Lắp đặt hệ thống cảnh báo vận hành phát điện, vận hành xả lũ

Chủ sở hữu đập, hồ chứa thủy điện có trách nhiệm thống nhất với Ủy ban nhân dân, Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn địa phương vùng hạ du trong việc lắp đặt hệ thống cảnh báo vận hành phát điện, vận hành xả lũ tại vùng hạ du, gồm:

1. Vị trí lắp đặt.

2. Trang thiết bị cảnh báo lắp đặt tại từng vị trí.

3. Những trường hợp phải cảnh báo.

4. Thời điểm cảnh báo.

5. Hình thức cảnh báo.

6. Quyền, trách nhiệm của từng tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc cảnh báo.

Điều 10. Báo cáo hiện trạng an toàn đập, hồ chứa thủy điện

1. Chủ sở hữu đập, hồ chứa thủy điện có trách nhiệm lập Báo cáo hiện trạng an toàn đập, hồ chứa thủy điện gửi Sở Công Thương nơi xây dựng đập, hồ chứa thủy điện theo thời hạn quy định tại khoản 3 Điều 16 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP. Mẫu báo cáo quy định tại Phụ lục IV Thông tư này.

2. Sở Công Thương nơi xây dựng đập, hồ chứa thủy điện có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo hiện trạng an toàn đập, hồ chứa thủy điện trên địa bàn tỉnh với Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Công Thương trước ngày 30 tháng 4 hàng năm đối với đập, hồ chứa thủy điện xây dựng tại khu vực Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ, Tây Nguyên và Nam Bộ; trước ngày 30 tháng 8 hàng năm đối với đập, hồ chứa thủy điện xây dựng tại khu vực Nam Trung Bộ.

Điều 11. Lập quy trình vận hành hồ chứa thủy điện

Chủ sở hữu đập, hồ chứa thủy điện có trách nhiệm lập quy trình vận hành hồ chứa thủy điện trình cơ quan tiếp nhận hồ sơ, thẩm định theo quy định tại điểm b, điểm d khoản 2 Điều 12 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP hoặc tự phê duyệt theo quy định tại khoản 8 Điều 12 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP. Mẫu quy trình vận hành quy định tại Phụ lục V Thông tư này.

Điều 12. Hội đồng Tư vấn đánh giá an toàn đập, hồ chứa thủy điện của Bộ Công Thương

1. Hội đồng Tư vấn đánh giá an toàn đập, hồ chứa thủy điện của Bộ Công Thương do Bộ trưởng Bộ Công Thương thành lập theo đề xuất của Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp.

2. Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp là cơ quan thường trực, có trách nhiệm thành lập Tổ Tư vấn hỗ trợ kỹ thuật giúp việc cho Hội đồng Tư vấn đánh giá an toàn đập, hồ chứa thủy điện trong việc kiểm tra, đánh giá an toàn đập, hồ chứa thủy điện thuộc trách nhiệm kiểm tra, đánh giá của Bộ Công Thương.

3. Chủ sở hữu đập, hồ chứa thủy điện có trách nhiệm lập Báo cáo đánh giá an toàn đập, hồ chứa thủy điện gửi Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp trước ngày 01 tháng 3 hàng năm đối với đập, hồ chứa thủy điện được xây dựng ở

khu vực Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ, Tây Nguyên và Nam Bộ; trước ngày 01 tháng 6 hàng năm đối với khu vực Nam Trung Bộ. Mẫu báo cáo quy định tại Phụ lục VI Thông tư này.

Điều 13. Kiểm định an toàn đập thủy điện

Việc kiểm định an toàn đập thủy điện theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP được thực hiện đối với đập chính và các đập phụ của hồ chứa.

Điều 14. Cơ sở dữ liệu đập, hồ chứa thủy điện

1. Chủ sở hữu đập, hồ chứa thủy điện có trách nhiệm rà soát hồ sơ, hiện trạng đập, hồ chứa để lập cơ sở dữ liệu đập, hồ chứa thủy điện gửi Sở Công Thương nơi xây dựng đập, hồ chứa thủy điện. Mẫu cơ sở dữ liệu quy định tại Phụ lục VII Thông tư này.

2. Công trình thủy điện có nhiều hồ chứa hoặc một hồ chứa có nhiều đập thì cơ sở dữ liệu được lập riêng cho từng đập, hồ chứa.

3. Trường hợp thông tin về cơ sở dữ liệu đập, hồ chứa thay đổi thì chủ sở hữu đập, hồ chứa thủy điện phải cập nhật vào cơ sở dữ liệu đập, hồ chứa.

Điều 15. Báo cáo định kỳ công tác quản lý nhà nước về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện

Định kỳ trước ngày 31 tháng 3 hàng năm, Sở Công Thương nơi xây dựng đập, hồ chứa thủy điện có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo công tác quản lý nhà nước về an toàn đập, hồ chứa thủy điện năm trước trên địa bàn theo mẫu quy định tại Phụ lục VIII Thông tư này về Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Công Thương.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với phương án phòng chống lũ lụt vùng hạ du đập thủy điện

Phương án phòng chống lũ lụt vùng hạ du đập thủy điện được phê duyệt theo quy định tại Nghị định số 72/2007/NĐ-CP tiếp tục có hiệu lực thi hành đến khi có

phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp được phê duyệt theo quy định tại Nghị định số 114/2018/NĐ-CP.

2. Đối với kiểm định an toàn đập thủy điện

Đối với những đập đã được kiểm định theo quy định tại Nghị định số 72/2007/NĐ-CP trước ngày Nghị định số 114/2018/NĐ-CP có hiệu lực thi hành thì lần kiểm định đập, hồ chứa tiếp theo được tính theo quy định tại Nghị định số 72/2007/NĐ-CP.

Điều 17. Trách nhiệm thực hiện

1. Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp

a) Hướng dẫn triển khai thực hiện Thông tư này;

b) Thanh tra, kiểm tra, xử lý theo thẩm quyền hành vi vi phạm quy định của pháp luật về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện trên địa bàn cả nước;

c) Là đầu mối tiếp nhận các thông tin về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện của Bộ Công Thương.

2. Sở Công Thương các tỉnh, thành phố

a) Hướng dẫn triển khai thực hiện Thông tư này;

b) Thanh tra, kiểm tra, xử lý theo thẩm quyền hoặc đề xuất cơ quan có thẩm quyền xử lý hành vi vi phạm quy định của pháp luật về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện trên địa bàn tỉnh.

3. Chủ sở hữu đập, hồ chứa thủy điện

a) Tổ chức thực hiện đúng, đầy đủ các quy định về quản lý an toàn đập thuộc phạm vi trách nhiệm;

b) Trường hợp chủ sở hữu đập, hồ chứa thủy điện giao hoặc thuê tổ chức, cá nhân khác khai thác đập, hồ chứa thủy điện do mình sở hữu thì việc thuê hoặc giao phải thực hiện bằng văn bản, trong đó quy định rõ trách nhiệm của mỗi bên trong công tác quản lý an toàn đập, hồ chứa.

Điều 18. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 21 tháng 8 năm 2019.

2. Thông tư số 34/2010/TT-BCT ngày 07 tháng 10 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý an toàn đập của công trình thủy điện hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

3. Bãi bỏ Chương IV Thông tư số 43/2012/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý quy hoạch, đầu tư xây dựng dự án thủy điện và vận hành khai thác công trình thủy điện.

4. Trong quá trình thực hiện Thông tư này, nếu có vướng mắc tổ chức, cá nhân có ý kiến bằng văn bản về Bộ Công Thương để xem xét, giải quyết./.

BỘ TRƯỞNG

Trần Tuấn Anh

Phụ lục I

PHƯƠNG ÁN ỨNG PHÓ THIÊN TAI
CHO CÔNG TRÌNH, VÙNG HẠ DU ĐẬP THỦY ĐIỆN

(Ban hành kèm Thông tư số 09/2019/TT-BCT ngày 08 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện)

1. Trang bìa

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN (nếu có)
TÊN CHỦ SỞ HỮU HOẶC TỔ CHỨC ĐƯỢC ỦY QUYỀN/GIAO

PHƯƠNG ÁN

ỨNG PHÓ THIÊN TAI
CHO CÔNG TRÌNH, VÙNG HẠ DU ĐẬP
Tên công trình:.....
(Trong giai đoạn xây dựng)

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT	CHỦ SỞ HỮU ĐẬP, HỒ CHỨA HOẶC CƠ QUAN ĐƯỢC ỦY QUYỀN/GIAO
(Ký tên, đóng dấu)	*(Ký tên, đóng dấu)*

....., tháng... năm....

2. Nội dung phương án

2.1. Khái quát về chủ đầu tư và công trình

a) Về chủ đầu tư:

- Tên chủ đầu tư và cơ quan cấp trên (nếu có).

- Địa chỉ, số điện thoại, số fax, email, website.

b) Về công trình

- Tên công trình/dự án.

- Cấp công trình theo thiết kế được duyệt.

- Phân loại đập, hồ chứa của chủ đầu tư theo quy định tại Nghị định số 114/2018/NĐ-CP.

- Nhiệm vụ của công trình.

- Địa điểm xây dựng (xã, huyện, tỉnh).

- Thời điểm khởi công, thời điểm dự kiến đưa vào khai thác, sử dụng.

2.2. Khái quát về địa hình, khí tượng thủy văn (lượng mưa, mùa mưa, lưu lượng lũ lớn nhất...), thảm thực vật lưu vực hồ chứa theo thiết kế; các hình thái thiên tai có thể xảy ra trong lưu vực hồ chứa

2.3. Khái quát vùng hạ du đập

a) Về địa hình.

b) Về dân cư (số lượng, phân bố, khả năng tiếp cận tín hiệu cảnh báo).

c) Những công trình xây dựng hiện hữu có thể bị ảnh hưởng.

2.4. Thông tin về các nhà thầu xây dựng, giám sát

a) Tên, địa chỉ các nhà thầu.

b) Số lượng người, thiết bị, phương tiện, vật tư thường xuyên có mặt tại công trường và vị trí bố trí.

2.5. Tiến độ xây dựng đập và các công trình tạm, phụ trợ theo từng tháng và biện pháp để bảo đảm an toàn nếu thiên tai xảy ra

2.6. Dự kiến các tình huống có thể gây mất an toàn trong quá trình xây dựng đập do thiên tai gây ra và biện pháp ứng phó để bảo đảm an toàn cho vùng hạ du; người, phương tiện, vật tư... tại công trường và đập

2.7. Cam kết của nhà thầu xây dựng trong việc tham gia ứng phó khi có thiên tai và sự cố công trình

2.8. Phương án huy động vật tư, phương tiện, nhân lực khi thiên tai

2.9. Danh bạ điện thoại và các hình thức liên lạc khác giữa chủ sở hữu; tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa thủy điện với chính quyền và các cơ quan chức năng của địa phương; các cơ quan khác có liên quan.

3. Các tài liệu sử dụng để lập phương án

Phụ lục II

PHƯƠNG ÁN ỨNG PHÓ VỚI TÌNH HUỐNG KHẨN CẤP

(Ban hành kèm Thông tư số 09/2019/TT-BCT ngày 08 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện)

1. Trang bìa

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN (nếu có)
TÊN CHỦ SỞ HỮU HOẶC TỔ CHỨC ĐƯỢC ỦY QUYỀN/GIAO

PHƯƠNG ÁN

ỨNG PHÓ VỚI TÌNH HUỐNG KHẨN CẤP ĐẬP, HỒ CHỨA THỦY ĐIỆN

Tên công trình:.....

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT *(Ký tên, đóng dấu)*	CHỦ SỞ HỮU ĐẬP, HỒ CHỨA HOẶC CƠ QUAN ĐƯỢC ỦY QUYỀN/GIAO *(Ký tên, đóng dấu)*

....., tháng... năm....

2. Nội dung phương án

2.1. Khái quát về chủ sở hữu và tổ chức khai thác đập, hồ chứa thủy điện

a) Về chủ sở hữu đập, hồ chứa

- Tên chủ đầu tư và cơ quan cấp trên (nếu có).

- Địa chỉ, số điện thoại, số fax, email, website.

b) Về tổ chức khai thác đập, hồ chứa

- Tên tổ chức.

- Địa chỉ, số điện thoại, số fax, email, website.

2.2. Khái quát về đập, hồ chứa

- Tên đập, hồ chứa.

- Cấp công trình theo thiết kế được duyệt.

- Phân loại đập, hồ chứa của cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Nghị định số 114/2018/NĐ-CP.

- Nhiệm vụ của công trình.

- Địa điểm xây dựng (xã, huyện, tỉnh).

- Thời điểm khởi công, thời điểm đưa đập, hồ chứa vào khai thác.

2.3. Khái quát về địa hình, khí tượng thủy văn (lượng mưa, mùa mưa, lưu lượng lũ lớn nhất...), thảm thực vật lưu vực hồ chứa theo thiết kế; các hình thái thiên tai có thể xảy ra trong lưu vực hồ chứa

2.4. Đặc điểm vùng hạ du đập, hồ chứa

a) Về địa hình.

b) Về dân cư (số lượng, phân bố, khả năng tiếp cận tín hiệu cảnh báo).

c) Những đối tượng bị ảnh hưởng, mức độ ảnh hưởng.

d) Phạm vi ngập lụt vùng hạ du theo các tình huống xả lũ, vỡ đập tại bản đồ ngập lụt vùng hạ du được phê duyệt.

2.5. Sơ đồ mặt bằng đập, hồ chứa và vùng hạ du

2.6. Các tình huống xả lũ khẩn cấp, tình huống vỡ đập và biện pháp ứng phó để bảo đảm an toàn cho vùng hạ du

2.7. Nội dung, hình thức cảnh báo; trách nhiệm truyền tin của các tổ chức, cá nhân có liên quan

2.8. Trách nhiệm của chủ sở hữu, tổ chức khai thác đập, hồ chứa thủy điện; các cơ quan chức năng của địa phương và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan

2.9. Phương án huy động vật tư, phương tiện, nhân lực khi xảy ra tình huống khẩn cấp

2.10. Danh bạ điện thoại và các hình thức liên lạc khác giữa chủ sở hữu đập, hồ chứa thủy điện; tổ chức khai thác đập, hồ chứa; chính quyền và các cơ quan chức năng của địa phương; các cơ quan khác có liên quan đến vận hành an toàn đập, hồ chứa

3. Các tài liệu sử dụng để lập phương án

Phụ lục III

PHƯƠNG ÁN BẢO VỆ ĐẬP, HỒ CHỨA THỦY ĐIỆN

(Ban hành kèm Thông tư số 09/2019/TT-BCT ngày 08 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện)

1. Trang bìa

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN (nếu có)
TÊN CHỦ SỞ HỮU HOẶC TỔ CHỨC ĐƯỢC ỦY QUYỀN/GIAO

PHƯƠNG ÁN

BẢO VỆ ĐẬP, HỒ CHỨA THỦY ĐIỆN

Tên công trình:.....

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT *(Ký tên, đóng dấu)*	CHỦ SỞ HỮU ĐẬP, HỒ CHỨA HOẶC CƠ QUAN ĐƯỢC ỦY QUYỀN/GIAO *(Ký tên, đóng dấu)*

....., tháng... năm....

2. Nội dung phương án

2.1. Khái quát về chủ sở hữu đập, hồ chứa thủy điện và tổ chức khai thác đập, hồ chứa thủy điện

a) Về chủ sở hữu đập, hồ chứa

- Tên chủ đầu tư và cơ quan cấp trên (nếu có).

- Địa chỉ, số điện thoại, số fax, email, website.

b) Về tổ chức khai thác đập, hồ chứa

- Tên tổ chức.

- Địa chỉ, số điện thoại, số fax, email, website.

2.2. Khái quát về đập, hồ chứa

a) Tên đập, hồ chứa.

b) Cấp công trình theo thiết kế được duyệt.

c) Phân loại đập, hồ chứa của cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Nghị định số 114/2018/NĐ-CP.

d) Nhiệm vụ của công trình.

đ) Địa điểm xây dựng (xã, huyện, tỉnh).

e) Thời điểm khởi công, thời điểm đưa đập, hồ chứa vào khai thác, sử dụng.

2.3. Khái quát tình hình dân cư và an ninh trật tự nơi xây dựng đập, hồ chứa

2.4. Sơ đồ phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa và bố trí lực lượng bảo vệ

2.5. Nội dung bảo vệ đập, hồ chứa

a) Đặc điểm địa hình, thông số thiết kế, sơ đồ mặt bằng bố trí công trình và chỉ giới cắm mốc phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa nước.

b) Tình hình quản lý, khai thác và bảo vệ đập, hồ chứa nước.

c) Chế độ báo cáo, kiểm tra thường xuyên, định kỳ, đột xuất.

d) Quy định việc giới hạn hoặc cấm các loại phương tiện giao thông có tải trọng lớn lưu thông trong phạm vi bảo vệ công trình; quy định về phòng cháy, chữa cháy; bảo vệ an toàn nơi lưu trữ tài liệu, kho tàng cất giữ vật liệu nổ, chất dễ cháy, chất độc hại.

đ) Tổ chức lực lượng và phân công trách nhiệm bảo vệ đập, hồ chứa nước; trang thiết bị hỗ trợ công tác bảo vệ.

e) Tổ chức kiểm tra, kiểm soát người và phương tiện ra, vào công trình.

g) Phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn các hành vi xâm phạm, phá hoại công trình và vùng phụ cận của đập, hồ chứa nước.

h) Bảo vệ, xử lý khi đập, hồ chứa nước xảy ra sự cố hoặc có nguy cơ xảy ra sự cố.

i) Nguồn lực tổ chức thực hiện phương án.

k) Trách nhiệm của chủ sở hữu, tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa nước, chính quyền các cấp và các cơ quan, đơn vị liên quan.

3. Tài liệu sử dụng để lập phương án

Phụ lục IV

BÁO CÁO

HIỆN TRẠNG AN TOÀN ĐẬP, HỒ CHỨA THỦY ĐIỆN

(Ban hành kèm Thông tư số 09/2019/TT-BCT ngày 08 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện)

TÊN ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN **TÊN ĐƠN VỊ BÁO CÁO** Số:...../.....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *....., ngày..... tháng..... năm...*

BÁO CÁO
HIỆN TRẠNG AN TOÀN ĐẬP, HỒ CHỨA THỦY ĐIỆN.....
NĂM.....

Kính gửi: Sở Công Thương….

I. THÔNG TIN CỦA ĐƠN VỊ BÁO CÁO

1. Tên đơn vị:

2. Địa chỉ:

3. Điện thoại: **Fax:**

4. Email: **Web:**

II. NỘI DUNG BÁO CÁO

1. Kết quả quan trắc đập, hồ chứa

1.1. Đối với hồ chứa

1.1.1. Mực nước cao nhất/thấp nhất trong kỳ báo cáo (m):...../.....

1.1.2. Tình hình lũ

a) Số trận lũ trong kỳ báo cáo.

b) Thông tin về dòng chảy lũ của từng trận lũ

- Lưu lượng đỉnh lũ (m^3/s):
- Tổng lượng nước về hồ (m^3):
- Mực nước hồ cao nhất (m):
- Tóm tắt quá trình lũ:
- Thời điểm xuất hiện, thời điểm kết thúc lũ:

1.2. Đối với đập

a) Các hạng mục quan trắc theo thiết kế:

b) Các hạng mục quan trắc thực tế lắp đặt:

c) Tình hình hoạt động của thiết bị quan trắc:

d) Kết quả quan trắc của từng hạng mục quan trắc (sau khi được phân tích, xử lý) so với giá trị tính toán thiết kế.

2. Kết quả kiểm tra đập, hồ chứa trước và sau mùa mưa lũ

2.1. Đối với hồ chứa

a) Thời điểm kiểm tra (ngày, tháng, năm):

b) Kết quả từng đợt kiểm tra:

c) Xử lý sau từng đợt kiểm tra:

2.2. Đối với đập chính, đập phụ, cửa nhận nước, tràn xả lũ

a) Thời điểm kiểm tra (ngày, tháng, năm):

b) Kết quả từng đợt kiểm tra:

c) Xử lý sau từng đợt kiểm tra:

3. Các hoạt động thuộc phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa

3.1. Các hoạt động trong kỳ báo cáo

3.2. Các hoạt động phải có giấy phép

a) Tên các hoạt động và chủ đầu tư.

b) Các hoạt động đã được cấp giấy phép.

c) Các hoạt động chưa được cấp giấy phép.

3.3. Đánh giá ảnh hưởng của các hoạt động đến công tác quản lý an toàn đập, hồ chứa.

4. Đánh giá và kiến nghị

4.1. Đánh giá hiện trạng đập, hồ chứa.

4.2. Kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền.

Nơi nhận:

GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục V

QUY TRÌNH VẬN HÀNH HỒ CHỨA THỦY ĐIỆN

(Ban hành kèm Thông tư số 09/2019/TT-BCT ngày 08 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

2. Cơ sở pháp lý để xây dựng quy trình.

3. Thông số kỹ thuật chủ yếu của công trình.

4. Nhiệm vụ công trình theo thứ tự ưu tiên và nguyên tắc vận hành công trình.

5. Phân loại lũ và thời kỳ mùa lũ, mùa kiệt.

6. Trình tự thực hiện đóng, mở của van (nếu có).

7. Quan trắc, cung cấp thông tin quan trắc khí tượng thủy văn.

8. Phối hợp vận hành giữa chủ sở hữu, tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa thủy điện với chủ sở hữu, tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa nước khác trên cùng lưu vực sông và các tổ chức, cơ quan, cá nhân có liên quan trong công tác vận hành đập, hồ chứa thủy điện.

9. Cảnh báo trước, trong quá trình vận hành xả lũ và vận hành phát điện, bao gồm:

a) Quy định khoảng thời gian tối thiểu phải thông báo trước khi vận hành mở cửa xả nước đầu tiên.

b) Tín hiệu cảnh báo, thời điểm cảnh báo, vị trí cảnh báo.

c) Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong việc phát lệnh, truyền lệnh, thực hiện lệnh vận hành xả lũ.

d) Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong việc phát tin, truyền tin, nhận tin cảnh báo xả lũ.

10. Quy định về dòng chảy tối thiểu (nếu có).

Chương II
VẬN HÀNH HỒ CHỨA TRONG MÙA LŨ

1. Quy định về mực nước trước lũ, đón lũ.

2. Nguyên tắc vận hành hồ trong mùa lũ.

3. Vận hành hồ chứa tham gia cắt/giảm lũ cho hạ du, phát điện.

4. Vận hành hồ chứa bảo đảm an toàn cho công trình.

5. Tích nước cuối mùa lũ.

Chương III
VẬN HÀNH HỒ CHỨA TRONG MÙA KIỆT

1. Nguyên tắc vận hành hồ trong mùa kiệt.

2. Vận hành phát điện, xả nước trong mùa kiệt.

3. Vận hành bảo đảm mực nước trong mùa kiệt.

4. Vận hành điều tiết lũ trong mùa kiệt.

Chương IV
CÁC TRƯỜNG HỢP VẬN HÀNH KHÁC

1. Vận hành hồ chứa khi khu vực hạ du có yêu cầu bất thường về nước.

2. Vận hành hồ chứa khi xảy ra hạn hán, thiếu nước, ô nhiễm nguồn nước nghiêm trọng hoặc khi xảy ra các sự cố tai biến môi trường.

3. Vận hành hồ chứa thủy điện cấp nước cho thủy lợi.

Chương V
TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

1. Nguyên tắc chung về trách nhiệm bảo đảm an toàn cho công trình.

2. Trách nhiệm của người đứng đầu tổ chức khai thác đập, hồ chứa.

3. Trách nhiệm của người đứng đầu chủ sở hữu đập, hồ chứa thủy điện.

4. Trách nhiệm của Trưởng ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh/các tỉnh hoặc huyện/các huyện có liên quan.

5. Trách nhiệm của Giám đốc Sở Công Thương tỉnh/các tỉnh có liên quan.

6. Trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh/các tỉnh có liên quan.

7. Trách nhiệm của Bộ trưởng, Thủ trưởng các Ban, ngành có liên quan.

8. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong việc sửa đổi, bổ sung quy trình.

Chương VI
CÁC PHỤ LỤC

1. Thông số kỹ thuật chính của công trình.

2. Số liệu và biểu đồ đặc trưng quan hệ hồ chứa (Quan hệ W-F-Z).

3. Số liệu và biểu đồ quan hệ lưu lượng - mực nước hạ lưu đập.

4. Số liệu và biểu đồ đường quan hệ độ mở cửa van (đối với công trình có cửa van điều tiết).

5. Số liệu và biểu đồ quan hệ mực nước hồ chứa - lưu lượng xả qua tràn.

6. Biểu đồ tần suất lũ thiết kế.

7. Số liệu và biểu đồ điều phối vận hành hồ chứa.

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT
(Ký, đóng dấu)

Phụ lục VI

BÁO CÁO

ĐÁNH GIÁ AN TOÀN ĐẬP, HỒ CHỨA THỦY ĐIỆN

(Ban hành kèm Thông tư số 09/2019/TT-BCT ngày 08 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện)

TÊN ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN **TÊN ĐƠN VỊ BÁO CÁO** Số:...../.....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *....., ngày..... tháng..... năm...*

BÁO CÁO

ĐÁNH GIÁ AN TOÀN ĐẬP, HỒ CHỨA

Tên công trình:.....

Kính gửi: Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp

Thực hiện Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập hồ chứa nước và Thông tư số 09/2019/TT-BCT ngày 08/7/2019 của Bộ Công Thương quy định về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện,..... báo cáo tình hình thực hiện công tác quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện..... như sau:

1. Tình hình khí tượng thủy văn

Báo cáo tóm tắt những thông tin chính, tổng quát về tình hình thủy văn trong kỳ báo cáo, gồm:

a) Tình hình khí hậu, mưa trên lưu vực.

b) Tình hình lũ về hồ chứa (số trận lũ, thời điểm xuất hiện, tổng lưu lượng về hồ, lưu lượng đỉnh lũ lớn nhất).

c) Diễn biến mực nước hồ chứa (mực nước hồ lớn nhất, thời điểm; mực nước hồ nhỏ nhất, thời điểm).

d) Tình hình vận hành xả lũ (số lần xả, thời điểm xả, lưu lượng xả lớn nhất, tổng lượng nước xả về hạ du).

2. Hiện trạng đập

2.1. Kết quả kiểm tra đập bằng mắt thường

2.2. Kết quả quan trắc đập

a) Các hạng mục quan trắc.

b) Số lượng từng loại thiết bị quan trắc.

c) Kết quả quan trắc so với giá trị tính toán thiết kế.

2.3. Tình trạng thiết bị vận hành đập

a) Các thiết bị vận hành đập.

b) Tình trạng thiết bị.

c) Vận hành thử.

2.3. Về kiểm định đập

a) Đập đã đến kỳ kiểm định hay chưa.

b) Nếu đã đến kỳ kiểm định thì cập nhật thông tin: Đập đã được kiểm định chưa, nếu chưa thì nêu rõ lý do; nếu đã được kiểm định thì nêu rõ kết luận, kiến nghị của tổ chức kiểm định và kết quả thực hiện kiến nghị của tổ chức kiểm định.

2.4. Các hoạt động đang được triển khai thực hiện thuộc phạm vi bảo vệ đập

3. Hiện trạng hồ chứa

a) Tình hình sạt lở, tái tạo bờ hồ chứa

b) Tình hình bồi lắng lòng hồ.

c) Các hoạt động đang được triển khai thực hiện thuộc phạm vi bảo vệ hồ chứa.

4. Đánh giá của chủ sở hữu đập, hồ chứa thủy điện về tình trạng đập, hồ chứa

5. Kiến nghị của chủ sở hữu đập, hồ chứa

Nơi nhận:

GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục VII

CƠ SỞ DỮ LIỆU ĐẬP, HỒ CHỨA THỦY ĐIỆN

(Ban hành kèm Thông tư số 09/2019/TT-BCT ngày 08 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện)

CƠ SỞ DỮ LIỆU ĐẬP, HỒ CHỨA THỦY ĐIỆN

Tên công trình:….

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Chủ sở hữu

a) Tên:

b) Địa chỉ:

c) Điện thoại: d) Số Fax:

đ) Email: e) Website:

Ghi chú: Trường hợp thay đổi chủ sở hữu thì các chủ sở hữu trước chỉ cập nhật tên, ngày tháng năm chuyển giao quyền sở hữu giữa các chủ sở hữu.

2. Tổ chức khai thác, sử dụng

a) Tên:

b) Địa chỉ:

c) Điện thoại: d) Số Fax:

đ) Email: e) Website:

II. CƠ SỞ DỮ LIỆU ĐẬP

1. Đập chính

a) Tên đập:

b) Địa điểm xây dựng (xã, huyện, tỉnh):

c) Loại đập *(1)*: d) Phân loại đập *(2)*:

đ) Cấp của đập *(3)*: e) Chiều dài đỉnh đập (m):

g) Chiều rộng chân đập (m): h) Chiều rộng đỉnh đập (m):

i) Chiều cao đập lớn nhất (m): k) Cao trình đỉnh đập (m):

l) Cao trình đỉnh tường chắn sóng (m):

2. Đập phụ/các đập phụ

2.1. Đập phụ thứ nhất

a) Tên đập:

b) Địa điểm xây dựng (xã, huyện, tỉnh):

c) Loại đập [(1)]: d) Phân loại đập [(2)]:

đ) Cấp của đập [(3)]: e) Chiều dài đỉnh đập (m):

g) Chiều rộng chân đập (m): h) Chiều rộng đỉnh đập (m):

i) Chiều cao đập lớn nhất (m): k) Cao trình đỉnh đập (m):

l) Cao trình đỉnh tường chắn sóng (m):

2…. Đập phụ thứ… (cập nhật như Mục II.2.1)

3. Công trình xả lũ

a) Hình thức xả (bằng tràn tự do, cửa xả mặt, cửa xả đáy)

b) Lưu lượng xả theo thiết kế (m^3/s)

c) Chiều dài khoang xả tràn (đối với tràn tự do, m); số cửa xả, kích thước cửa xả (m) và hình thức đóng mở cửa xả (đối với cửa xả mặt, xả đáy)

d) Cao trình tràn tự do, cửa xả mặt, cửa xả đáy (m)

đ) Hình thức tiêu năng

Ghi chú: Nếu hồ chứa có nhiều hình thức xả lũ thì cập nhật riêng cho từng hình thức.

4. Cống xả cát:

a) Kích thước (m)

b) Lưu lượng xả (m^3/s)

c) Cao trình (m)

d) Hình thức đóng, mở

5. Xả môi trường:

a) Kích thước

b) Lưu lượng xả (m^3/s)

c) Cao trình (m)

III. CƠ SỞ DỮ LIỆU HỒ CHỨA

1. Tên hồ:

2. Nhiệm vụ theo thứ tự trong quy trình:

3. Vị trí xây dựng (xã, huyện, tỉnh):

4. Phân loại[(2)]:

5. Cấp hồ chứa[(3)]:

6. Diện tích lưu vực (km^2):

7. Dung tích (10^6m^3) ứng với:

a) MNDBT: b) Mực nước chết:

c) Phòng lũ: d) Hữu ích:

8. Mực nước (m):

a) Lũ thiết kế: b) Lũ kiểm tra:

c) DBT: d) Chết:

đ) Lớn nhất đã xảy ra: , ngày tháng năm xảy ra:

9. Vùng hạ du (xã, huyện, tỉnh):

IV. CÔNG TÁC QUẢN LÝ AN TOÀN ĐẬP, HỒ CHỨA

1. Quy trình vận hành hồ chứa

a) Quyết định phê duyệt lần đầu (số, ngày, cơ quan phê duyệt):

b) Các quyết định phê duyệt điều chỉnh, nếu có (số, ngày, cơ quan phê duyệt):

c) Quyết định phê duyệt đang còn hiệu lực (số, ngày, cơ quan phê duyệt):

2. Quy trình bảo trì đập và các thiết bị vận hành đập

a) Quyết định phê duyệt lần đầu (số, ngày):

b) Quyết định phê duyệt đang còn hiệu lực (số, ngày):

3. Phương án ứng phó với thiên tai

a) Quyết định phê duyệt lần đầu (số, ngày):

b) Quyết định phê duyệt đang còn hiệu lực (số, ngày):

4. Phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp

a) Quyết định phê duyệt lần đầu (số, ngày, cơ quan phê duyệt):

b) Quyết định phê duyệt đang còn hiệu lực (số, ngày, cơ quan phê duyệt):

5. Phương án bảo vệ đập

a) Quyết định phê duyệt lần đầu (số, ngày, cơ quan phê duyệt):

b) Quyết định phê duyệt đang còn hiệu lực (số, ngày, cơ quan phê duyệt):

6. Bảo trì đập và các thiết bị vận hành đập

a) Quyết định phê duyệt lần đầu (số, ngày):

b) Quyết định phê duyệt đang còn hiệu lực (số, ngày):

7. Cắm mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ đập, hành lang bảo vệ hồ chứa

a) Ngày, tháng, năm hoàn thiện việc cắm mốc chỉ giới:

- Xác định phạm vi bảo vệ đập:

- Xác định hành lang bảo vệ hồ chứa:

b) Ngày, tháng, năm bàn giao mốc cho UBND cấp xã:

- Mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ đập:

- Mốc chỉ giới xác định hành lang bảo vệ hồ chứa:

8. Kiểm định an toàn đập, hồ chứa

a) Ngày, tháng, năm kết thúc kiểm định lần đầu:

b) Số lần kiểm định:

c) Ngày, tháng, năm kết thúc kiểm định gần nhất và kết luận của tổ chức kiểm định:

9. Các hoạt động phải có giấy phép trong phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa

a) Tên hoạt động:

b) Số và cơ quan cấp giấy phép lần đầu:

c) Phạm vi hoạt động:

d) Ngày được cấp giấy phép lần đầu:

đ) Số lần cấp lại, gia hạn, điều chỉnh, đình chỉ, thu hồi giấy phép:

e) Số và cơ quan cấp giấy phép đang còn hiệu lực:

Ghi chú:

1.[(1)] Ghi loại đập theo vật liệu và công nghệ xây dựng (ví dụ bê tông trọng lực, đất đồng chất).

2.[(2)] Ghi phân loại đập, hồ chứa theo Nghị định số 114/2018/NĐ-CP được cơ quan có thẩm quyền quyết định (đặc biệt, lớn, vừa, nhỏ).

3.[(3)] Ghi cấp của đập, hồ chứa theo quy định của pháp luật về xây dựng (đặc biệt, cấp I, cấp II, cấp III, cấp IV).

Phụ lục VIII

BÁO CÁO CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ QUẢN LÝ AN TOÀN ĐẬP, HỒ CHỨA THỦY ĐIỆN

(Ban hành kèm Thông tư số 09/2019/TT-BCT ngày 08 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện)

UBND TỈNH… **SỞ CÔNG THƯƠNG** Số:...../BC-SCT	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *....., ngày..... tháng..... năm....*

BÁO CÁO

CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ QUẢN LÝ AN TOÀN ĐẬP, HỒ CHỨA THỦY ĐIỆN NĂM.....

Kính gửi:

- Bộ Công Thương
- Ủy ban nhân dân tỉnh.....

Thực hiện Thông tư số 09/2019/TT-BCT ngày 08/7/2019 của Bộ Công Thương quy định về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện, Sở Công Thương..... báo cáo Bộ Công Thương và Ủy ban nhân dân tỉnh tình hình thực hiện công tác quản lý nhà nước về an toàn đập, hồ chứa thủy điện trên địa bàn tỉnh của Sở Công Thương..... năm….. như sau:

I. TÌNH HÌNH CHUNG

1. Số công trình thủy điện xây dựng trên địa bàn

Tổng số công trình thủy điện trên địa bàn tỉnh:……. công trình (cập nhật tổng số công trình được phê duyệt theo quy hoạch có đập hoặc hồ chứa thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư này), trong đó:

1.1. Số công trình đang vận hành phát điện:…… công trình, trong đó:

a) Số công trình sử dụng nước của hồ chứa thủy lợi để phát điện:….. công trình (tên công trình).

b) Số công trình phát điện tự dùng (không phát điện lên hệ thống điện quốc gia):…... công trình (tên công trình).

c) Số công trình có hồ chứa vận hành theo quy trình vận hành liên hồ chứa:…… công trình (tên công trình).

d) Số công trình được đưa vào vận hành trong kỳ báo cáo:…… công trình (tên công trình).

1.2. Số công trình đang thi công xây dựng:…….. công trình (tên công trình).

1.3. Số công trình chưa triển khai xây dựng:…… công trình.

1.4. Số công trình bị loại ra khỏi vận hành trong kỳ báo cáo:…… công trình và tên các công trình (chỉ cập nhật công trình bị loại vĩnh viễn khỏi vận hành).

2. Đánh giá tình hình thực hiện quy định của pháp luật về quản lý an toàn đập, hồ chứa của chủ sở hữu đập, hồ chứa thủy điện trên địa bàn

2.1. Những quy định đã được thực hiện tốt.

2.2. Những quy định chưa thực hiện đúng, đầy đủ; tên chủ sở hữu đập, hồ chứa chưa thực hiện đúng, đầy đủ; nguyên nhân khách quan, chủ quan.

II. HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ AN TOÀN ĐẬP, HỒ CHỨA THỦY ĐIỆN TRÊN ĐỊA BÀN

1. Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập thủy điện trong quá trình thi công

Số công trình phải có phương án:…… công trình, trong đó:

1.1. Số công trình đã có phương án được phê duyệt:….. công trình, trong đó:

a) Thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp xã:.... công trình (tên công trình).

b) Thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện:….. công trình (tên công trình).

c) Thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh:.... công trình (tên công trình).

1.2. Số công trình đang thẩm định phương án:….. công trình (tên công trình).

1.3. Số công trình chưa được chủ sở hữu trình thẩm định phương án:…. công trình (tên công trình).

2. Đăng ký an toàn đập, hồ chứa thủy điện

2.1. Số đập, hồ chứa đã được đăng ký.

2.2. Số đập, hồ chứa chưa được đăng ký (tên công trình).

3. Báo cáo hiện trạng an toàn đập

3.1. Số đập đã có báo cáo.

3.2. Số đập chưa có báo cáo, lý do (tên công trình).

4. Phê duyệt phương án ứng phó thiên tai

4.1. Số công trình có phương án được phê duyệt.

4.2. Số công trình chưa có phương án được phê duyệt, lý do chưa được phê duyệt (tên công trình).

5. Phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp

Tổng số công trình có phương án được phê duyệt:....., trong đó:

5.1. Của Ủy ban nhân dân cấp xã:

5.2. Của Ủy ban nhân dân huyện:

5.3. Của Ủy ban nhân dân tỉnh:

6. Bảo vệ đập, hồ chứa

6.1. Số đập đã được cắm mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ đập thủy điện.

6.2. Số đập chưa được cắm mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ đập thủy điện (tên công trình).

6.3. Số hồ chứa đã được cắm mốc giới xác định hành lang bảo vệ hồ chứa thủy điện.

6.4. Số hồ chứa chưa được cắm mốc giới xác định hành lang bảo vệ hồ chứa thủy điện (tên công trình).

6.5. Số đập, hồ chứa đã có phương án bảo vệ đập, hồ chứa được phê duyệt.

6.6. Số đập, hồ chứa chưa có phương án bảo vệ đập, hồ chứa được phê duyệt (tên công trình).

7. Về vận hành hồ chứa thủy điện

7.1. Phê duyệt quy trình vận hành hồ chứa

a) Số hồ chứa có quy trình vận hành được phê duyệt:

b) Số hồ chưa có quy trình vận hành được phê duyệt…, lý do chưa có quy trình được phê duyệt.

7.2. Rà soát quy trình vận hành

a) Số quy trình được rà soát/số quy trình đến kỳ phải rà soát:…/….

b) Số quy trình cần điều chỉnh/số quy trình được rà soát:……/…….

7.3. Đánh giá tình hình vận hành hồ chứa thủy điện của chủ sở hữu đập, hồ chứa thủy điện theo quy trình vận hành hồ chứa được phê duyệt.

8. Quan trắc đập, hồ chứa

8.1. Đối với đập

a) Tổng số đập được lắp đặt thiết bị quan trắc theo thiết kế:…… đập.

b) Tình hình thực hiện quan trắc đập của các chủ sở hữu đập.

c) Đánh giá tình hình thực hiện quan trắc của chủ sở hữu đập, hồ chứa thủy điện.

8.2. Đối với hồ chứa: Đánh giá việc thực hiện quan trắc hồ chứa của chủ sở hữu đập, hồ chứa thủy điện trên địa bàn.

9. Kiểm định đập

9.1. Số đập đã đến kỳ kiểm định.

9.2. Số đập đã kiểm định xong và đánh giá của tổ chức kiểm định.

9.3. Số đập đã đến kỳ nhưng chưa được kiểm định, lý do chưa thực hiện và hướng giải quyết.

10. Lắp đặt hệ thống giám sát vận hành

10.1. Số công trình phải lắp đặt hệ thống giám sát vận hành.

10.2. Số công trình đã hoàn thành lắp đặt hệ thống giám sát/số công trình phải lắp đặt hệ thống giám sát.

10.3. Số công trình chưa hoàn thiện việc lắp đặt hệ thống giám sát, lý do chưa hoàn thiện (tên công trình).

10.4. Đánh giá tình hình vận hành hệ thống giám sát đã lắp đặt.

11. Lắp đặt hệ thống cảnh báo vùng hạ du

11.1. Số công trình phải lắp đặt hệ thống cảnh báo.

11.2. Số công trình đã hoàn thành lắp đặt.

11.3. Số công trình chưa hoàn thành việc lắp đặt, lý do chưa hoàn thành (tên công trình).

d) Đánh giá tình hình vận hành hệ thống cảnh báo đã lắp đặt.

12. Bảo trì công trình

12.1. Số công trình đã có quy trình bảo trì.

12.2. Số công trình chưa có quy trình bảo trì (tên công trình).

12.3. Đánh giá tình hình thực hiện bảo trì công trình.

13. Lập cơ sở dữ liệu đập, hồ chứa thủy điện

13.1. Số đập, hồ chứa đã lập cơ sở dữ liệu đập, hồ chứa.

13.2. Số đập, hồ chứa chưa lập cơ sở dữ liệu đập, hồ chứa.

14. Các hoạt động trong phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện phải cấp giấy phép thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh

14.1. Số hồ sơ đề nghị cấp phép nhận được trong năm.

14.2. Số hồ sơ đã được cấp giấy phép (ghi rõ tên hoạt động, phạm vi được phép hoạt động)

14.3. Số hồ sơ chưa được cấp, từ chối cấp giấy phép; lý do chưa được cấp, từ chối cấp.

14.4. Đánh giá tình hình tuân thủ giấy phép được cấp.

15. Hoạt động kiểm tra, thanh tra của Sở Công Thương

15.1. Số công trình được kiểm tra, thanh tra.

15.2. Xử lý của Sở Công Thương sau kiểm tra, thanh tra.

III. NHỮNG TỒN TẠI, VƯỚNG MẮC VÀ KIẾN NGHỊ

1. Những tồn tại, vướng mắc

2. Kiến nghị

Nơi nhận:

GIÁM ĐỐC